

là một nhà nghiên cứu tiếng chim muông, không khác gì các nhà bác học ngày nay từng nghiên cứu phản ứng các loài cỏ cây trong tương quan với sự sống con người. Con người, nhất là thanh niên nam nữ, có thêm kiến thức là có được cơ hội để mở mang trí tuệ của mình. Sự mở mang trí tuệ dù ở phương diện sơ đẳng nhất của sự tiếp nhận kiến thức vẫn là một mục đích tu học của Phật tử. Giới, Định, Huệ nếu là diễn tiến của tu học trong Đạo Phật, thì cũng là cơ bản diễn tiến con người ở ngoài đời. Sở dĩ vậy vì giới luật chỉ là kỷ luật sáng đặt cho mình một trật tự, chấp nhận cho mình một kỷ luật, để từ đó xây dựng cuộc sống được an lạc. Đây cũng là một phương diện của giới luật trong Đạo Phật. Tuy giới luật của Tăng sĩ rất cao, nhưng giới luật của Phật tử tại gia thì chỉ là một kỷ luật tối thiểu của con người hướng thiện. Đức Phật chỉ đặt ra cho người tại gia năm giới luật: không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Thiết tưởng, một người muốn sống bình thường nhất trong cuộc đời cũng phải tôn trọng ít nhất năm thứ kỷ luật đó. Đó chỉ là năm điều cơ bản làm tốt cho người để xây dựng một xã hội không có hận thù chiến tranh sát hại, không có man trá trộm cắp và cũng không có những cảnh bị mê man làm cho ngu muội đưa đến cảnh hỗn loạn tâm trí của con người. Khi con người có kỷ luật, sống như vậy thì ổn định được vị trí của mình cao hơn là thiên định của các vị tu hành. Nhưng thấp hơn hết là mình có một hướng đời ngay thẳng, tốt đẹp để đi và từ đó mới có cơ sở phát huy trí tuệ. Vì thế nơi các nhà bác học, trí tuệ được phát triển ở đỉnh cao, vì họ đã tập trung nghiên cứu vào vài vấn đề chuyên biệt. Tập trung khả năng đó chính là Định vậy. Các nhà bác học ấy sống thanh thân ngoài tất cả man trá của cuộc đời, có vị không bao giờ biết đến rượu là cái gì, và có người không quan tâm về các tương quan khác ngoài xã hội nữa, họ chỉ biết phụng sự cho một mục đích. Do đó, áp dụng Giới, Định, Huệ vào đời, ta sẽ thấy Phật giáo giúp ta cải tiến bản thân, cho dù chưa làm được cuộc cách mạng như Đức Phật nhưng ít ra cũng thực hiện được những cảnh sống có nề nếp và có mục đích triển khai trí tuệ phục vụ quần sanh. Phật Giáo vì vậy không tách rời cuộc sống con người. Xã hội càng văn minh càng thấy cái nhìn siêu việt của Đức Phật vào chỗ ở của con người, nghĩa là vào trí tuệ con người là đúng đắn.

Sự phát triển trí tuệ, trên cơ sở của phát minh khoa học, là sự khai phóng cái “nơ-ron” của não bộ con người. Con người có kỷ luật, có định hướng thì “nơ-ron” khai phóng được, nghĩa là có trí tuệ. Trái lại, nếu con người sống lêu lổng, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, vô kỷ luật thì cái nơ-ron sẽ già cỗi và tự tiêu hủy không thay thế được. Đức Phật, bậc đại giác ngộ, Ngài có khả năng vận dụng được trí tuệ mình, nhờ vào sức mạnh của giới luật và thiên định, tập trung khả năng của mình để thấu suốt con người, vũ trụ,

quá khứ, vị lai. Cho nên Đức Phật mới dạy: “Về cái tiểu thái cực là trong một giọt nước có vô số chúng sanh, và về cái đại thái cực tức là vũ trụ của chúng ta thì vốn không có bắt đầu và không có giới hạn đúng như nguyên lý của khoa học hiện đại ngày nay. Do đó, không cần phải đến Einstein, chúng ta mới hiểu công thức về năng lượng MC², về sự chuyển động đường cong của ánh sáng, về sự vô biên của vũ trụ, hay về tương đối tính của sự vật và hiện tượng mà chính trong kinh điển của Phật Giáo, qua lời dạy ngắn gọn của Đức Phật, tất cả các điều ấy đã từng sáng ra như cái chân lý cách đây hơn 2.500 năm. Vì vậy, Phật Giáo gần gũi với con người và là một giáo lý tiên phong của mọi cuộc cách mạng, khi Đức Thích Ca đặt ra nguyên tắc bình đẳng, xóa bỏ giai cấp trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ: “Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành”. Phật tánh nơi mỗi người đều giống nhau, đều có một cõi lòng rộng lớn, cái khác nhau là khai sáng được cõi lòng đó, trí huệ đó của mình hay không. Và phải làm sao, theo tiến trình nào để tự khai sáng. Do đó khi Đức Phật đề ra sự khai sáng trí tuệ bằng ba chặng đường Giới Định Huệ thì cũng có nghĩa ba chặng đường đó không dài ngắn khác nhau mà có khi cùng xảy ra một lúc. Giới luật được cho mình thì mới tạo nên được định hướng hay thiên định và thiên định được ở bậc cao hay định hướng được ở bậc thấp thì đương nhiên trí tuệ tự nó khai sáng. Đó là một phương thức cải tiến bản thân, để con người tự tìm thấy nơi ánh sáng trí tuệ, nghĩa là của chân lý.

Như thế chân lý vốn không có ở ngoài con người, mà chính do con người tự tìm ra cho mình nơi khả năng tự giác của bản thân. Sự hỗ trợ của giáo lý Phật giáo chỉ là sự giúp đỡ cho mọi người tự tìm ra ánh sáng nơi bản thân, đó là Phật tánh. Phật Giáo không xa rời con người, mà trái lại rất gần gũi con người, và có thể đồng nhất một thể với các lời của Đức Phật, nếu chúng ta có ý chí, có năng lực tự làm cuộc cách mạng bản thân để phục vụ gia đình và xã hội. Đó cũng là một phần của thuyết tu thân do Khổng Tử đề xướng cùng thời với Đức Phật: tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ. Lý thuyết nhập thế của Đức Khổng Tử vì vậy cũng bắt đầu chính nơi sự tu sửa bản thân mình. Có tu thân được mới tề gia, có lo nổi việc gia đình mới đứng ra trị quốc, có trị quốc giỏi mới bình thiên hạ. Ngày nay, chúng ta thấy nhan nhản khắp nơi nhiều kẻ bản thân u tối, sân si,

(Xem tiếp trang 53)

